

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN YÊN
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quang Độ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Trung Bang và bà Hà Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị A - sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: anh B - sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2022, Tòa án nhận ngày 16/6/2022, thụ lý ngày 17/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh B được tự do tìm hiểu, kết hôn vào ngày 10/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hai người hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, cách sống không hợp, chị và anh B không thống nhất được bất kỳ vấn đề gì trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi, xúc phạm danh dự

nhau. Vì thương con còn nhỏ, chị đã nhiều lần nói chuyện với anh B mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, đồng thời hai bên gia đình nội, ngoại đã hòa giải nhưng không có kết quả. Mặc dù vẫn chung sống cùng nhà, nhưng không còn nói chuyện gì với nhau.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh B không thể chung sống cùng nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: chị và anh B có 02 (hai) con chung là Cháu C, sinh ngày 11/3/2011 và Cháu D, sinh ngày 24/10/2016. Khi ly hôn chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 (hai) con chung Cháu C và Cháu D cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị A khai chị và anh B không có tài sản chung; vợ chồng không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn – anh B, tại Biên bản làm việc ngày 04/7/2022 bà L là mẹ đẻ của anh B cung cấp thông tin: chị A và anh B sau khi đăng ký kết hôn về chung sống tại nhà bố mẹ chị A nên bà không rõ trong cuộc sống hôn nhân, anh chị có xảy ra mâu thuẫn hay không, chỉ biết khoảng ngày 14/6/2022, anh B về nhà bà không sang nhà ngoại nữa. Sau đó đi làm ăn kinh tế tại MC nhưng không cho bà biết địa chỉ cụ thể ở đâu, anh B vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và thỉnh thoảng có về thăm nhà. Khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý bà L có nhận thay và đã thông báo cho anh B biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị A. Do không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh B nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của anh B, tuy nhiên anh B không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện anh B đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu của chị A.

Tại Biên bản làm việc ngày 07/7/2022 bà K là mẹ đẻ chị A cung cấp thông tin, sau khi anh B và chị A tổ chức lễ cưới thì về chung sống cùng vợ chồng ông bà tại thôn H, xã Đ. Thời gian đầu, anh chị sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2017 - 2018 vợ chồng anh, chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, khoảng thời gian đó bà biết anh chị thỉnh thoảng có cãi, chửi nhau. Đến khoảng cuối năm 2021, đầu năm 2022 mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị càng trầm trọng hơn. Khi đó bà đã khuyên can, hòa giải rất nhiều lần để anh, chị giải quyết được mâu thuẫn, nhưng không được. Đến khoảng ngày 15/6/2022 anh B về nhà bố, mẹ đẻ anh ấy, từ thời điểm đó, bà không còn gặp anh B nữa, chỉ nghe thông tin từ chị A và gia đình thông gia nói là anh B đi làm ăn ở Móng Cái, bà không rõ địa chỉ cụ thể. Nay, chị A có đơn xin ly hôn với anh B, bà không có ý kiến gì.

Tòa án đã đến địa chỉ cư trú của chị A và anh B để xác minh về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị và được Trưởng thôn cùng chi hội trưởng Chi

hội phụ nữ thôn cung cấp thông tin: chị A và anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có những bất đồng, nhưng nguyên nhân cụ thể không rõ do anh, chị không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải, chỉ biết anh, chị có xảy ra đánh chửi, cãi nhau, khi chính quyền địa phương đến, anh chị nói là việc riêng của gia đình anh chị, nên chính quyền cũng chỉ khuyên can. Khoảng giữa tháng 6 năm 2022 cho đến nay, anh B không có mặt tại nơi cư trú, đi đâu, làm gì địa phương cũng không nắm được.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 02/8/2022 của cháu Cháu C, sinh ngày 11/3/2011 là con chung của chị A và anh B thể hiện nguyện vọng cháu Vỹ mong muốn được ở cùng với chị A.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn cũng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; còn đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ cũng như không có quan điểm giải quyết vụ án, đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh B và giao cả 02 (hai) con chung Cháu C và Cháu D cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[1.1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – chị A khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn anh B (Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Về sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa: trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt và thực hiện đầy đủ quy định theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vụ án khi nguyên đơn vắng mặt đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn anh B theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và đã xác minh. Tuy nhiên, anh B không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn là thể hiện việc anh cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn, cố tình không chấp hành pháp luật. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về ly hôn: quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B phát sinh từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát chủ yếu từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù gia đình hai bên nội ngoại đã cố gắng khuyên giải hàn gắn nhưng không có kết quả, đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải cho anh B mục đích hòa giải cho vợ chồng để đoàn tụ nhưng anh B đều không đến và không có lý do, việc không đến làm việc với Tòa án thể hiện anh B không có thiện chí tham gia hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng và trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã đến địa chỉ cư trú của anh B tại thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh để xác minh về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị và được địa phương và mẹ chị A, mẹ anh B cung cấp thông tin: chị A và anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn và anh B đã đi làm ăn kinh tế tại Móng Cái nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể ở đâu, tuy nhiên anh B vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, khi Tòa án gửi thông báo thụ lý cho anh B, mẹ anh B có nhận thay và đã thông báo cho anh B biết việc Tòa án đã thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị A.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là có mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã phát sinh từ lâu, vợ chồng đã không chung sống cùng nhau một thời gian, tình cảm không còn, chị A làm đơn xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn.

[3] Về tranh chấp nuôi con: chị A và anh B có 02 (hai) con chung là Cháu C, sinh ngày 11/3/2011 và Cháu D, sinh ngày 24/10/2016. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xét nguyện vọng của con và điều kiện để nuôi con thì thấy: đối với anh B đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án làm việc, đến phiên tòa xét xử nhưng anh B không đến, không có quan điểm về việc nuôi con khi ly hôn. Việc không đến Tòa án giải quyết vụ án của anh B thể hiện việc không chấp hành pháp luật, nên việc giao con chung cho anh B là không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung của chị A là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Vỹ (cháu Nguyên chưa đủ tuổi lấy lời khai) nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: chị A khẳng định giữa chị và anh B không có nợ chung với cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Xét ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị A được ly hôn anh B.

2. Về con chung: giao cả 02 (hai) con chung Cháu C, sinh ngày 11/3/2011 và Cháu D, sinh ngày 24/10/2016 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ thăm nom

con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012084 ngày 17/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị A đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tiên Yên;
- UBND xã Đ, huyện Tiên Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Độ